

Bản án số: 151/2024/DS-ST  
Ngày: 12-9-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản và hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Kiều Oanh.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2024/TLST-DS ngày 23/4/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-DS ngày 23/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Đình T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Tổ X4, khu phố 3A, phường TH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

**Người đại diện hợp pháp:** Bà Thạch Dương ST, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Ấp TT, xã VB, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Là đại diện uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 24/02/2024. Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Bà Lê Thị L – Luật sư Công ty Luật TNHH Việt Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số X3 Quốc lộ X1, khu phố X2, phường MP, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trịnh Đình D, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú cũ: Tổ X3, khu phố X2, phường TH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú mới: Khu phố X6, phường TH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thạch Dương ST trình bày:*

Ông T và ông D là anh em họ hàng với nhau.

Giữa Ông T và ông D có ký kết 02 hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Ngày 21/6/2021, Ông T có cho ông D vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Hai bên có lập Giấy vay tiền, cùng ký tên và lấn tay. Thời hạn vay 14 tháng, tính từ ngày 21/6/2021 đến 21/8/2022, lãi suất 1%/tháng. Ngày 23/12/2022, ông D có xác nhận tại mặt sau của Giấy vay tiền ngày 21/6/2021 về việc thực hiện quá trình trả nợ và xác nhận số nợ còn lại: “ngày 23/12/2022, ông D đã thanh toán 1 tỷ tiền mặt còn nợ số tiền 650.000.000 đồng đến ngày 18/01/2023 sẽ thanh toán hết”.

Ngày 15/03/2023, Ông T tiếp tục cho ông D vay số tiền 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, hai bên còn ký kết 03 hợp đồng góp vốn sau:

Ngày 09/3/2022, Ông T góp vốn với số tiền 5.000.000.000 đồng để mua thửa đất số 14, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, thời hạn góp vốn là 5 tháng, ông D cam kết chia lợi nhuận cho Ông T với tổng vốn góp và lợi nhuận là 9.000.000.000 đồng.

Ngày 28/3/2022, Ông T góp vốn thêm số tiền 1.000.000.000 đồng để mua thửa đất số 14, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, thời hạn góp vốn là 5 tháng, ông D cam kết chia lợi nhuận cho Ông T với tổng vốn góp và lợi nhuận là 1.800.000.000 đồng mặc dù ghi thời hạn góp vốn là 05 tháng nhưng các bên thoả thuận chốt thời hạn hoàn vốn góp và lợi nhuận cùng ngày với đợt 01 là ngày 09/8/2022.

Ngày 10/5/2022, Ông T góp vốn với số tiền 4.000.000.000 đồng để mua thửa đất ở tỉnh Đắk Lắk, thời hạn góp vốn là 4 tháng, ông D cam kết chia lợi nhuận cho Ông T với tổng vốn góp và lợi nhuận là 7.500.000.000 đồng.

Các hợp đồng nêu trên đều đã đến hạn thanh toán, Ông T nhiều lần liên hệ ông D yêu cầu trả tiền vay và tiền góp vốn nhưng ông D vẫn không thanh toán.

Do đó, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trịnh Đình T yêu cầu Toà án buộc ông Trịnh Đình D trả tổng số tiền 12.260.540.000 đồng; trong đó:

- Tiền vay 1.150.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 114.540.000 đồng (tạm tính 12 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng).

- Tiền góp vốn 10.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 996.000.000 đồng (tạm tính 12 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng).

Ngày 23/8/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền này theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2023.

*Bị đơn ông Trịnh Đình D:* Bị đơn ông D không có mặt ở địa phương, đi đâu không rõ. Để bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự và giải quyết vụ án đúng pháp luật, căn cứ Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành

phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương thông báo các đương sự được biết và tiến hành liên hệ cơ quan đăng tin, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Báo Thanh niên trong 03 số 201, 202, 203 ra các ngày 19, 20, 21/7/2024; Cơ quan thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 03 ngày 15, 16, 17/7/2024 và Công thông tin điện tử của Toà án về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thời gian trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ, đối chất và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời gian tham gia phiên toà lần thứ nhất và phiên toà lần thứ 2 (trong trường hợp ông D vắng mặt phiên toà lần thứ nhất). Tuy nhiên, ông D không có mặt, vắng mặt không có lý do. Ông D không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Đình T và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

*Tại phiên toà:* Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thạch Dương ST: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu đối với số tiền góp vốn 6.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của 02 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022 và 28/3/2022. Những ý kiến và yêu cầu khác giữ nguyên. Cụ thể: Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Toà án buộc ông Trịnh Đình D thanh toán tổng số tiền 5.113.140.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 650.000.000 đồng và nợ lãi 64.740.000 đồng (theo Giấy vay tiền ngày 21/6/2021). Và nợ gốc: 4.000.000.000 đồng và nợ lãi 398.400.000 đồng (theo Hợp đồng góp vốn ngày 10/5/2022).

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên toà:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt vi phạm quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau: Buộc bị đơn trả số tiền vay 500.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2023 và trả số tiền góp vốn 6.000.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả của 02 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022 và 28/3/2022.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn và bị đơn ông Trịnh Đình D có đăng ký thường trú tại khu phố X6, phường TH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tòa án xét xử xác định quan hệ tranh

chấp của các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị L vắng mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thạch Dương ST đồng ý xét xử vắng mặt bà Liên. Bị đơn ông Trịnh Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Liên, ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như ông D từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai giao nộp và tiếp cận chứng cứ ngày 23/8/2024, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ thể hiện:

[2.1] Xét thấy, Ông T cung cấp chứng cứ là bản chính Giấy vay tiền ngày 21/6/2021 và 03 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022, 28/3/2022 và 10/5/2022. Để chứng minh Giấy vay tiền và 03 Hợp đồng góp vốn này là thật. Tòa án đã tiến hành việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Trịnh Đình D. Tại Kết luận giám định số 3384/KL-KTHS ngày 29/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và 02 dấu vân tay mang tên “Trịnh Đình D” trên các tài liệu cần giám định gồm Giấy vay tiền ngày 21/6/2021 và 03 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022, ngày 28/3/2022 và ngày 10/5/2022 so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Trịnh Đình D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8 đính kèm hồ sơ vụ án) do cùng một người ký, viết và in ra tức đúng là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Trịnh Đình D. Như vậy, có cơ sở kết luận chứng cứ Ông T cung cấp có giá trị chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 64.740.000 đồng (tạm tính 12 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng) theo Giấy vay tiền ngày 21/6/2021.

Xét tiền nợ gốc: Tại mặt sau Giấy vay tiền ngày 21/6/2021, thể hiện: “ngày 23/12/2022, ông D đã thanh toán 1 tỷ tiền mặt còn nợ số tiền 650.000.000 đồng đến ngày 18/01/2023 sẽ thanh toán hết”. Tuy nhiên, nay đã quá thời hạn trả nợ

nhưng ông D vẫn chưa thanh toán nợ cho Ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 280, 463 và 466 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Xét tiền lãi: Tài liệu chứng cứ Ông T cung cấp thể hiện, khoản vay không có lãi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”* và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng, chỉ tính thời gian chậm trả là 12 tháng trong khi thời gian chậm trả là từ ngày ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 19 tháng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: bị đơn phải thanh toán tiền lãi như sau: 650.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 64.740.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền góp vốn 4.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 398.400.000 đồng (tạm tính 12 tháng, với lãi suất 0,83%/tháng) theo Hợp đồng góp vốn ngày 10/5/2022.

Xét Hợp đồng góp vốn ngày 10/5/2022. Về nội dung: Không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Chủ thể: Ông T, ông D trực tiếp giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tự nguyện giao kết, không ai bị ép buộc. Hình thức: Không bắt buộc phải công chứng nên hợp đồng góp vốn giữa Ông T và ông D có giá trị pháp lý. Theo quy định khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự thì *“hợp đồng chấm dứt khi hợp đồng đã hoàn thành”* và điểm b khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng hợp tác chấm dứt trong trường hợp *“hết hạn ghi trong hợp đồng hợp tác”*. Như vậy, Hợp đồng góp vốn ngày 10/5/2022, giữa Ông T và ông D đã hết hạn từ ngày 10/9/2022. Tại hợp đồng có quy định: sau khi hết hạn hợp đồng mà ông D không thực hiện đúng nội dung thoả thuận trên hợp đồng (tức ông D đã cam kết trả cho Ông T vốn góp và lợi nhuận) sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do bị đơn vi phạm thoả thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã góp vốn 4.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét tiền lãi: Tài liệu chứng cứ Ông T cung cấp thể hiện, ngày 10/9/2022, ông D phải trả vốn gốc và lợi nhuận, nhưng ông D không trả là vi phạm thoả thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 0,83%/tháng, chỉ tính thời gian chậm trả là 12 tháng trong khi thời gian chậm trả tính từ ngày 11/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 24 tháng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể: Bị đơn phải

thanh toán tiền lãi như sau: 4.000.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 398.400.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu: “Buộc ông Trịnh Đình D trả số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2023”. Ngày 23/8/2024, nguyên đơn Ông T có đơn xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự nguyện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với yêu cầu: “Buộc ông Trịnh Đình D trả số tiền góp vốn 6.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo 02 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022 và 28/3/2022”. Tại phiên tòa, nguyên đơn Ông T xin rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là sự nguyện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất.

[6] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và chi phí giám định: Ông Trịnh Đình D phải chịu. Ông Trịnh Đình D có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trịnh Đình T số tiền 10.530.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Đình D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 92, 147, 161, 180, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 357, 422, 463, 466, 468, 504, 507 và 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đình T đối với bị đơn ông Trịnh Đình D về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn”.

Buộc ông Trịnh Đình D có trách nhiệm thanh toán cho ông Trịnh Đình T tổng số tiền 5.113.140.000 đồng (năm tỷ một trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi 64.740.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) (theo Giấy vay tiền ngày 21/6/2021).

- Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) và nợ lãi 398.400.000 đồng (ba trăm chín mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) (theo Hợp đồng góp vốn ngày 10/5/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn ông Trịnh Đình T cho đến khi thi hành án xong, nếu bị đơn ông Trịnh Đình D chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn ông Trịnh Đình D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu sau:

Buộc ông Trịnh Đình D trả số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo Giấy vay tiền ngày 15/3/2023.

Buộc ông Trịnh Đình D trả số tiền góp vốn 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả theo 02 Hợp đồng góp vốn ngày 09/3/2022 và 28/3/2022.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và chi phí giám định: Ông Trịnh Đình D có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trịnh Đình T số tiền 10.530.000 đồng (mười triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

## 4. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Đình D phải chịu 113.113.140 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm mười ba nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho ông Trịnh Đình T số tiền 60.130.270 đồng (sáu mươi triệu một trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số 0000989 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

## 5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kiều Oanh**



